

Số: 73/2024/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Chử Cần.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 56/2024/TLST-VLĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 56/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; thường trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Đỗ Thùy L1, sinh năm 1979, thường trú: tổ A, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: B ngách E, ngõ A P, thị trấn V, huyện T, Thành phố Hà Nội. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH V; địa chỉ: khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V: bà Phạm Ngọc Thanh T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Đ, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm Xã hội thành phố T: Ông Trương Thanh N, chức vụ: Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp trình bày:* Từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 9 năm 2024, bà Nguyễn Thị L là công nhân của Công ty TNHH C địa chỉ khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được Công ty thực hiện thủ tục Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với số Bảo hiểm xã hội là 9106010427.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đi làm thủ tục bảo hiểm xã hội thì được Cơ quan Bảo hiểm thông báo bà Nguyễn Thị L có 02 sổ bảo hiểm xã hội với 02 số khác nhau. Ngoài sổ bảo hiểm xã hội của Công ty TNHH C thì bà Nguyễn Thị L còn 01 sổ Bảo hiểm xã hội do Công ty TNHH V đóng Bảo hiểm xã hội cho một người tên Nguyễn Thị L, có số CMND 172965746 và những thông tin nhân thân giống như của bà Nguyễn Thị L từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008. Việc trùng bảo hiểm nêu tên là do năm 2016 bà Nguyễn Thị L có cho bà Lê Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: B ngách E, ngõ A P, thị trấn V, huyện T, Thành phố Hà Nội mượn thông tin để đi làm Công ty ở Bình Dương vì thời điểm đó bà P mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để đi làm tại Công ty TNHH V.

Vì vậy, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người có tên Nguyễn Thị L và Công ty TNHH V là vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bà L sẽ liên hệ với Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, giảm trùng sổ Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Phương trình B:* Tháng 01 năm 2006, do bà P có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để xin vào làm việc tại Công ty TNHH V đến tháng 03/2008 thì nghỉ làm. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L có yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH V với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 vô hiệu, bà P đồng ý với yêu cầu của bà L, không có yêu cầu độc lập gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, số CMND 172.965.746, CCCD 038.187.009.720 được Công ty TNHH V tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mã số BHXH 9106010427 từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008. Chưa hưởng Bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp

luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V trình bày:* Công ty TNHH V không còn lưu giữ hồ sơ lao động đối với bà L. Đồng ý với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người có tên Nguyễn Thị L và Công ty TNHH V là vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH V (thời gian làm việc từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008) bị vô hiệu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị L là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008, người lao động tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, số CMND 172.965.746, CCCD 038.187.009.720 được Công ty TNHH V tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mã số BHXH 9106010427. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH V và bà Nguyễn Thị L phát sinh từ hợp đồng lao động vào tháng 01/2006. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V và thực tế làm việc tại Công ty là bà Lê Thị P chứ không phải bà Nguyễn Thị L. Do bà Lê Thị P chưa được cấp chứng minh nhân dân và ký hợp đồng lao động nên bà Nguyễn Thị L đã cho bà Lê Thị Phương M chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008 bà Nguyễn Thị L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại cả 02 Công ty là Công ty TNHH V và Công

ty TNHH C.

[2.2] Xét thấy, việc bà Lê Thị P sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị L bị trùng từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008. Do đó, bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH V với người tên Nguyễn Thị L (do bà Lê Thị P là người ký kết) từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số CMND 172965746 với Công ty TNHH V, thời gian từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2008 bị vô hiệu

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các

thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004308 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Chử Cần